Phụ lục 32
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ CHÂU THÀNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 7, 10, 11, 13, 14, 46, 57, 63, 81, 82, 83, 89, 109 Phụ lục 32 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL32 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Quốc lộ 61		
		- Từ hết ranh Tòa án khu vực 3 - Cầu Minh Lương	8.190	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ hết ranh Tòa án huyện - Cầu Minh Lương)
2	7	Từ cuối đường Huỳnh Mẫn Đạt - Đầu Chùa Khlang Mương (cặp kênh Minh Lương)	2.184	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ cuối đường Hắc Kỳ - Đầu Chùa Cà Lang Mương (cặp kênh Minh Lương))
3	10	Đường từ ngang cổng Chùa Khlang Ông qua Công Viên	2.366	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường từ ngang cổng Chùa Cà Lang Ông qua chợ Minh Lương)
4	11	Đường từ đầu cầu Minh Lương - Ranh Chùa Khlang Ông (cặp rạch Cà Lang)	2.002	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường từ đầu cầu Minh Lương - Ranh Chùa Cà Lang Ông (cặp rạch Cà Lang))

TT	Số TT PL32 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
5	13	Đường từ Quốc lộ 61 (Quán cà phê Phượng) - Kênh Minh Lương	2.002	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường từ Quốc lộ 61 (Quán cà phê Phượng) - Sông Minh Lương)
6	14	Khu tái định cư Trường THPT Châu Thành (đối diện Trường B8)	5.460	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu tái định cư Trường cấp 3 (đối diện Trường B8))
7	46	Đường Minh Lương - Giục Tượng		
		- Từ Giáp ranh Minh Lương - Đường Giục Tượng Bàn Tân Định	1.080	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Giáp ranh thị trấn Minh Lương - Đường Giục Tượng Bàn Tân Định)
8	57	Đường cặp kênh Nước Mặn Mới, Nước Mặn Cũ (từ Kênh Tiếp Nước - giáp ranh phường Rạch Giá)	400	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cặp kênh Nước Mặn Mới, Nước Mặn Cũ (từ Kênh Tiếp Nước - giáp ranh phường Vĩnh Lợi))
9	63	Đường Kênh 17 (từ Kênh KH-I - giáp ranh xã Thạnh Đông)	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh 17 (từ Kênh KH-I - giáp ranh xã Thành Đông))
10	*	Các cụm dân cư		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu tái định cư Minh Long)
11	81	Đường Rạch Lubích (từ Kênh Chưng Bầu - Kênh Ba Sa)	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Rạch Lubích (từ Kênh Chưng Bầu - ấp Minh Tân, Giục Tượng))
12	82	Đường Kênh KH-I		

TT	Số TT PL32 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ kênh Nước Mặn mới - Giáp xã Thạnh Lộc (hướng Tây)	420	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh Nước Mặn mới - Giáp xã Mong Thọ B (hướng Tây))
13	83	Đường kênh Công Trường		
		- Từ Giáp ranh xã Thạnh Lộc - Rạch Láng Tượng	546	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Giáp ranh xã Mong Thọ B - Rạch Láng Tượng)
14	89	Đường kênh Bầu Thì		
		- Từ Giáp ranh xã Thạnh Lộc - Rạch Láng Tượng (bờ Đông)	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Giáp ranh Mong Thọ B - Rạch Láng Tượng (bờ Đông))
15	109	Đường vào Khu dân cư ông Lâm (từ Quốc lộ 61 - Giáp ranh ấp Vĩnh Đằng)	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường vào Khu dân cư ông Lâm (từ Quốc lộ - Giáp ranh ấp Vĩnh Đằng))
II	**BỔ SUNG**			
1		Đường Tuyến tránh Minh Lương		Bổ sung
		- Đoạn từ đường Lâm Quang Ky đến Rạch Cà Lang	1.900	
		- Đoạn từ Rạch Cà Lang đến Quốc Lộ 63	3.850	
		- Đoạn từ Quốc Lộ 63 đến Kênh 5 Thước	1.800	
		- Đoạn từ Kênh 5 Thước đến Đường Đê Ngăn mặn	1.200	

TT	Số TT PL32 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
2		Đường vào Bãi rác	650	Bổ sung
3		Đường cặp kênh 2 Tô (2 bên bờ)	400	bổ sung
4		Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	300	bổ sung
5		Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	288	bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	120	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ